

Số: 4205/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;


Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về việc quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo đại học và Trưởng Phòng Đào tạo sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn.

**Điều 2.** Các Trưởng Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các Trưởng khoa và bộ môn trực thuộc trường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ.

---

---

---

---

---

---

---

---

## QUY ĐỊNH

### Về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4205/QĐ-ĐHQN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) cho các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT cho các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với KTD QGVN.

2. Chuẩn CTĐT của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện CTĐT để bảo đảm chất lượng đào tạo.

3. Chuẩn CTĐT của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn CTĐT trình độ tương ứng.

4. Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

5. Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của một CTĐT là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học CTĐT.

6. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là CTĐT của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ

tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (KTĐ QGVN); CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 8 là CTĐT của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 8 theo KTĐ QGVN.

---

7. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

8. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

---

9. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

10. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp một số nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp, tương ứng với Danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

---

11. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

12. Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong CTĐT. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

13. Thành phần của một CTĐT là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của CTĐT. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của CTĐT, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

## **Chương II**

### **CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, THẠC SĨ, TIẾN SĨ**

#### **Điều 3. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT;

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan;

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo KTĐ QGVN.

#### **Điều 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.

2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

3. Phải nhất quán với mục tiêu của CTĐT, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo KTĐ QGVN.

5. Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

6. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong CTĐT, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của CTĐT trong thời gian tiêu chuẩn.

#### **Điều 5. Khối lượng học tập**

1. Khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong CTĐT được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một CTĐT phải phù hợp với yêu cầu của KTĐ QGVN, cụ thể như sau:

a) CTĐT đại học: 138 tín chỉ đối với CTĐT các ngành đào tạo giáo viên, 135 tín chỉ đối với CTĐT các ngành còn lại, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành;

b) CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 (đào tạo kỹ sư): 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

c) CTĐT thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

d) CTĐT tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

## **Điều 6. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập**

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả CTĐT.

2. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và CTĐT.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

## **Điều 7. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ**

1. Chương trình phải quy định những yêu cầu tối thiểu về số lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy CTĐT đại học:

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên;

b) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT;

c) Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;

d) Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

3. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy CTĐT thạc sĩ:

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ;

b) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT;

c) Có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần của chương trình;

d) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 05 học viên trên một người hướng dẫn.

4. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy CTĐT tiến sĩ:

a) Giảng viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; hoặc có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu tốt;

b) Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) ngành phù hợp và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu;

c) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ.

5. Chương trình cho các ngành, nhóm ngành quy định yêu cầu cụ thể về đội ngũ giảng viên không thấp hơn quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này; yêu cầu cụ thể về tỉ lệ người học trên giảng viên; yêu cầu về đội ngũ nhân lực hỗ trợ đào tạo (nếu cần thiết), phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

### **Điều 8. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu**

Chương trình cho các ngành, nhóm ngành quy định những yêu cầu tối thiểu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo.

### **Điều 9. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo**

Cấu trúc và nội dung CTĐT chi tiết bao gồm:

1. Thông tin chung CTĐT: bao gồm tên tiếng Việt và tiếng Anh của CTĐT, mã ngành, trình độ đào tạo, tên các chuyên ngành, loại hình đào tạo và hình thức đào tạo.

2. Mục tiêu đào tạo: là lý do tồn tại của chương trình, mô tả những gì sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (gọi chung là người học) có thể làm được, đạt được trong tương lai gần sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu đào tạo gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu cụ thể gồm: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

3. Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường: là khả năng đảm nhiệm những công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý tương ứng và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra: là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được khi hoàn thành CTĐT, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo chất lượng. Chuẩn đầu ra có chủ đề chuẩn đầu ra và mức đạt được để đo lường, đánh giá. Chuẩn đầu ra của CTĐT phải cụ thể hóa cho từng ngành/chuyên ngành căn cứ theo chuẩn đầu ra quy định tại KTĐ QGVN. Đối với trình độ đại học, chuẩn đầu ra tối thiểu trình độ đại học phải đạt bậc 6. Đối với trình độ thạc sĩ, chuẩn đầu ra tối thiểu trình độ thạc sĩ phải đạt bậc 7. Đối với trình độ tiến sĩ, chuẩn đầu ra tối thiểu trình độ tiến sĩ phải đạt bậc 8.

5. Hình thức đào tạo, thời gian đào tạo và khối lượng học tập cụ thể

5.1. Đối với trình độ đại học:

- Hình thức đào tạo: chính quy tập trung  
- Thời gian đào tạo: 4,5 năm đối với các ngành đào tạo kỹ sư và 4 năm đối với các ngành còn lại.

- CTĐT gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Kiến thức giáo dục đại cương là kiến thức nền tảng, tổng quát để sinh viên thích ứng với sự phát triển của xã hội và chuẩn bị cho giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức này bao gồm kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật; ngoại ngữ; khoa học xã hội hoặc toán - khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học quản lý và Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh. Trong khối kiến thức khoa học xã hội, toán - khoa học tự nhiên môi trường, khoa học quản lý có môn học về hướng nghiệp (2 tín chỉ), môn học về kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ).

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là kiến thức chuyên môn để sinh viên hình thành và phát triển năng lực, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của ngành đào tạo. Khối kiến thức này bao gồm khối kiến thức cơ sở khối ngành và ngành; khối kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành (nếu có); khối kiến thức bổ trợ (đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ ngành, kỹ năng nghề nghiệp, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp); tốt nghiệp. Trong khối kiến thức cơ sở khối ngành và ngành có môn tin học (3 tín chỉ). Trong khối kiến thức này, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành chiếm khoảng 20% - 30%, kiến thức ngành và chuyên ngành chiếm 35% - 40%, kiến thức bổ trợ chiếm 25% - 35%.

Đối với CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 (các ngành đào tạo kỹ sư), khối lượng thực tập tối thiểu 8 tín chỉ.

Cấu trúc, khối lượng CTĐT được tổng hợp trong bảng dưới đây.

CTĐT	Khối KT GD Đại cương					Khối KT GD chuyên nghiệp				Tổng (+TC,QP)	Tổng (-TC,QP)	
	Khoa học Chính trị - PL	Ng. ngữ	KH XH NV	Toán, KHTN - MT, KH Quản lý	TC, QP- AN	KT cơ sở ngành và khối ngành	KT ngành, chuyên ngành	KT bổ trợ (ĐT RL NV, kỹ năng ngành, TT nghề nghiệp, TTTN)	TN			
Giáo viên	13	7	4	4	11				6	149	138	
Kỹ sư	13	7	4	4	11				8	161	150	
Khác	13	7	4	4	11				6	146	135	
35 Tín chỉ					GV: 114, KS: 126 TC, Khác: 111 TC							

Các học phần tự chọn được bố trí trong một số cấu phần cần thiết của các khối kiến thức. Số tín chỉ của các học phần đề xuất để sinh viên tự chọn không quá 3 lần so với số tín chỉ bắt buộc phải tích lũy.

## 5.2. Đối với trình độ thạc sĩ:

- Hình thức đào tạo: Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

- Thời gian đào tạo: Đối với mỗi hình thức đào tạo, Trường có kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng CTĐT. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy từ 1,5 đến 2 năm;



+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT;

+ Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- CTĐT trình độ thạc sĩ gồm 03 thành phần: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức cơ sở và ngành, Luận văn (đối với chương trình định hướng nghiên cứu) hoặc Đề án (đối với chương trình định hướng ứng dụng).

+ Khối kiến thức chung: Gồm các học phần nền tảng, tổng quát để học viên thích ứng với sự phát triển của xã hội, nghề nghiệp và chuẩn bị tốt cho việc học tập các học phần của khối kiến thức cơ sở và ngành. Học phần Triết học (từ 02 đến 04 tín chỉ) là học phần bắt buộc và được xếp vào khối kiến thức chung.

+ Khối kiến thức cơ sở và ngành: Gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn liên quan đến các kiến thức cơ sở, nền tảng và chuyên sâu, nâng cao của ngành. Các học phần đề án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác (đối với chương trình định hướng nghiên cứu) và các học phần thực tập (đối với chương trình định hướng ứng dụng) được xếp vào khối kiến thức cơ sở và ngành.

+ Luận văn, đề án: Luận văn dành cho chương trình định hướng nghiên cứu và có 15 tín chỉ (tương đương 25% khối lượng học tập toàn khóa). Đề án dành cho chương trình định hướng ứng dụng và có 9 tín chỉ (tương đương 15% khối lượng học tập toàn khóa).

Chương trình định hướng nghiên cứu có khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đề án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác.

Chương trình định hướng ứng dụng có khối lượng thực tập 6 tín chỉ; học phần tốt nghiệp 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đề án hoặc dự án (gọi chung là đề án).

### 5.3. Đối với trình độ tiến sĩ:

- Hình thức đào tạo: Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy. Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt, trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

- Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng); mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành CTĐT sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường.

- CTĐT trình độ tiến sĩ gồm các học phần bổ sung kiến thức (nếu có), các học phần ở

trình độ tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Các học phần bổ sung kiến thức và các học phần ở trình độ tiến sĩ có thể là học phần bắt buộc hoặc tự chọn. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ là thành phần chính yếu và bắt buộc trong CTĐT trình độ tiến sĩ. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ chiếm tối thiểu 80% khối lượng học tập toàn khóa.

Chương trình có tối đa 16 tín chỉ các học phần bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ; chương trình có tối thiểu 30 tín chỉ các học phần bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

## 6. Chuẩn đầu vào

1. Chuẩn đầu vào của CTĐT phải xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt CTĐT.

2. Chuẩn đầu vào của CTĐT đại học và CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Chuẩn đầu vào của CTĐT thạc sĩ: Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với CTĐT thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu vào của CTĐT tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ; điều kiện tốt nghiệp ngoài hoàn thành CTĐT yêu cầu phải đạt các môn điều kiện nào, mức chuẩn ngoại ngữ, mức chuẩn tin học.

8. Cách thức đánh giá, thang điểm: cách đánh giá cho đa số học phần và một số học phần đặc thù khác; thang điểm phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

9. Nội dung chương trình: bao gồm các học phần của CTĐT và các thông tin kèm theo mỗi học phần để triển khai tổ chức giảng dạy, quản lý như số tín chỉ, học kỳ, số tiết lý thuyết, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành; giờ tự học, học phần học trước, khoa quản lý học phần, việc thực hiện bài tập lớn nếu có. Cấu trúc, bố cục về mặt nội dung; thời lượng các khối kiến thức trong CTĐT được quy định tại Điều 7 của quy định này.

10. Kế hoạch giảng dạy dự kiến: Kế hoạch giảng dạy là phân phối nội dung giảng dạy cho từng học kỳ của khóa học làm cơ sở cho việc tổ chức, triển khai đào tạo.

11. Ma trận chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện sự phân bổ chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần liên quan nhằm thể hiện cụ thể những chuẩn đầu ra do từng học phần đảm trách.

Ma trận chuẩn đầu ra đồng thời cũng thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình hoàn thành các chuẩn đầu ra

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình: những điểm cần lưu ý khi thực hiện CTĐT.

#### **Điều 10. Bản mô tả chương trình đào tạo, Chương trình dạy học**

Kèm theo CTĐT là Bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học.

1. Bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Bản mô tả bao gồm: tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khoá học, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình, các bản mô tả học phần.

2. Chương trình dạy học của một CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học, mỗi học phần và những thông tin khác.

### **Chương III**

#### **XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **Điều 11. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo**

1. Tổ chức xây dựng CTĐT

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo (HĐXD CTĐT). Thành phần của Hội đồng bao gồm:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của đơn vị đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT;

b) Chuyên gia phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về nhu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

2. Yêu cầu đối với CTĐT

a) Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn CTĐT được quy định tại Chương II của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có) và KTĐ QGVN;

b) Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

c) Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn;

d) Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các đơn vị đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

đ) Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các môn học hoặc học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu

ra của CTĐT được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các môn học hoặc học phần;

e) Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của môn học hoặc học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra;

g) Có quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT, bảo đảm chất lượng đào tạo;

h) Được Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường có ý kiến thông qua trước khi ban hành.

---

---

### 3. Quy trình xây dựng CTĐT, Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT

Bước 1: HĐXD CTĐT khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo.

Bước 2: HĐXD CTĐT xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT

Bước 3: HĐXD CTĐT xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy trình sau:

+ Bước 3.1. HĐXD CTĐT tổ chức xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng lao động, cựu người học,...(gọi tắt là các bên liên quan) và hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra của CTĐT;

+ Bước 3.2. HĐXD CTĐT bổ sung, hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra ngành đào tạo trên cơ sở thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ các bên liên quan báo cáo Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Bước 4: HĐXD CTĐT xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Bước 5: HĐXD CTĐT đối chiếu, so sánh với CTĐT của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT;

Bước 6: HĐXD CTĐT tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định;

Bước 7: HĐXD CTĐT tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT;

Bước 8: HĐXD CTĐT hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Bước 9: Hội đồng thẩm định CTĐT tiến hành thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đối với CTĐT;

Bước 10: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua CTĐT;

Bước 11: Hiệu trưởng ra quyết định ban hành CTĐT.

### **Điều 12. Thẩm định và ban hành chương trình đào tạo**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (HĐTĐ CTĐT). Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Thành viên HĐĐT CTĐT: giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với CTĐT thuộc ngành mới, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Thành viên HĐĐT CTĐT không là thành viên HĐXD CTĐT;

b) HĐĐT CTĐT có 05 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động có trình độ thạc sĩ trở lên.

## 2. Yêu cầu thẩm định CTĐT

a) Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

b) Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua CTĐT và nêu lý do không thông qua.

3. Sau khi có kết luận của HĐĐT CTĐT, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và áp dụng CTĐT.

4. CTĐT của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trước khi được sử dụng theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật Giáo dục đại học phải được thẩm định theo quy định tại Điều này.

## Chương IV

### RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### Điều 13. Yêu cầu của việc rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo

1. CTĐT phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được cơ sở đào tạo áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá CTĐT phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo KTĐ QGVN, chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II của Thông tư này và chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có);

b) Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (giới sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi chuẩn đầu ra phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT;

c) Việc đánh giá phải làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

3. Chu kỳ đánh giá tổng thể CTĐT tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới CTĐT. Hiệu trưởng công bố CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Việc đánh giá chất lượng CTĐT trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều này.

#### **Điều 14. Quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Bước 1: Khoa/Bộ môn trực thuộc trường quản lý CTĐT lập kế hoạch đăng ký với Nhà trường về việc đánh giá, cải tiến CTĐT nếu không nằm trong kế hoạch chung của Nhà trường.

Bước 2: Khoa/Bộ môn trực thuộc trường quản lý CTĐT thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải đánh giá, cải tiến CTĐT do những thay đổi trong quy định của nhà nước hoặc của Trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học, kinh tế xã hội thuộc ngành đào tạo hoặc phản hồi của các bên liên quan về CTĐT; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn.

Bước 3. Khoa/Bộ môn trực thuộc trường quản lý CTĐT đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT hiện hành (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu và yêu cầu phát triển CTĐT đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT.

Bước 4. Khoa/Bộ môn trực thuộc cập nhật chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy trình cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT bao gồm các bước sau:

+ Bước 4.1. Khoa/ Bộ môn trực thuộc trường quản lý CTĐT thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT (những thay đổi trong quy định Nhà nước, của Trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; phản hồi các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn ...);

+ Bước 4.2. Khoa/ Bộ môn trực thuộc trường quản lý CTĐT đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CTĐT và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy ...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT;

+ Bước 4.3. Khoa/ Bộ môn trực thuộc trường quản lý CTĐT dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT và cập nhật CTĐT.

Bước 5: Sửa đổi, cập nhật, hoàn thiện CTĐT và họp Hội đồng khoa chuyên môn khoa

để nghiệm thu chương trình sửa đổi, cập nhật; tổng hợp những thay đổi so với CTĐT hiện hành, gửi kèm biên bản nghiệm thu (cấp khoa) cho Nhà trường.

Bước 6: Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét, nghiệm thu CTĐT sửa đổi, cập nhật và trình Hiệu trưởng ra quyết định ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá, nghiệm thu (cấp trường) CTĐT sửa đổi, bổ sung trước khi trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng Đào tạo đại học là đơn vị đầu mối về công tác tổ chức xây dựng, cải tiến, đánh giá CTĐT trình độ đại học, hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy định này, cung cấp biểu mẫu, tài liệu cần thiết liên quan đến phát triển CTĐT trình độ đại học.

2. Phòng Đào tạo sau đại học là đơn vị đầu mối về công tác tổ chức xây dựng, cải tiến, đánh giá CTĐT trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy định này, cung cấp biểu mẫu, tài liệu cần thiết liên quan đến phát triển CTĐT trình độ sau đại học.

4. Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan lập kế hoạch đảm bảo chất lượng khi triển khai CTĐT và tổ chức kiểm định chất lượng CTĐT.

5. Thư viện phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan lập kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo CTĐT.

6. Phòng Kế hoạch-Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan, căn cứ qui chế chi tiêu nội bộ dự trù kinh phí hằng năm cho công tác phát triển chương trình và mở ngành đào tạo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm phản ánh kịp thời bằng văn bản cho Nhà trường qua phòng chức năng để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ.**

---

---

---

---

---

---

---

---